

**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty

Ngày 30 tháng 6 năm 2015



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Văn phòng Công ty	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Văn phòng Công ty	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Văn phòng Công ty	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty	10 - 48

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiên	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Phạm Minh Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

H
Đ
C
O
N
G
T
E
C
H
N
I
C
H
H
A
N
G

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

Số tham chiếu: 61141397/17685413 -VP/LR

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty"), được trình bày từ trang 5 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Mặc dù không đưa ra kết luận chấp nhận từng phần, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh của Công ty) và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó và các báo cáo kết quả công tác soát xét của chúng tôi đề ngày 25 tháng 8 năm 2015 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1



Lê Quý Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1691-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

38
/ 04
/ 2015
/ 04
/ 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẠN PHÒNG CÔNG TY
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		529.048.328.434	664.433.247.266
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	77.192.621.967	45.029.468.184
111	1. Tiền		17.565.008.301	38.877.208.198
112	2. Các khoản tương đương tiền		59.627.613.666	6.152.259.986
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		8.921.897.150	8.251.543.907
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	25.515.114.584	4.414.215.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(20.343.217.414)	(2.962.671.833)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	3.750.000.000	6.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		353.645.146.425	530.945.323.750
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	167.666.424.539	330.540.245.170
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	39.464.915.266	42.536.923.080
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	28	1.965.433.067	598.873.033
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	11.000.000.000	11.000.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	8	136.765.321.288	149.289.668.007
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 8	(3.216.947.735)	(3.020.385.540)
140	IV. Hàng tồn kho	9	83.470.684.663	72.464.230.036
141	1. Hàng tồn kho		83.470.684.663	72.464.230.036
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.817.978.229	7.742.681.389
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	284.507.199	420.384.544
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.533.471.030	7.322.296.845
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		429.579.006.363	433.003.474.407
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		24.479.035.938	23.752.235.938
213	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	28	9.981.025.938	9.256.025.938
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	28	14.400.000.000	14.400.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	8	98.010.000	96.210.000
220	II. Tài sản cố định		147.703.144.502	151.879.407.770
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	147.240.106.591	151.841.389.206
222	Nguyên giá		197.862.220.201	189.526.601.572
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(50.622.113.610)	(37.685.212.366)
227	2. Tài sản cố định vô hình		463.037.911	38.018.564
228	Nguyên giá		479.639.881	43.039.881
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.601.970)	(5.021.317)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		33.239.084.497	34.274.677.477
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	33.239.084.497	34.274.677.477
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	216.385.187.169	216.676.875.035
251	1. Đầu tư vào công ty con		103.552.860.000	95.902.860.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết		4.577.590.000	5.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		123.711.049.500	144.403.982.001
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(15.456.312.331)	(28.629.966.966)
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.772.554.257	6.420.278.187
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7.772.554.257	6.420.278.187
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		958.627.334.797	1.097.436.721.673

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		281.768.050.259	381.978.940.855
310	I. Nợ ngắn hạn		260.101.714.832	367.465.180.827
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	122.751.851.348	190.597.221.338
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	29.182.820.094	66.003.519.445
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.203.063.062	12.087.215.315
314	4. Phải trả người lao động		2.743.894.947	5.609.898.406
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		405.345.633	375.569.773
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		5.362.240.600	5.002.024.920
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	74.952.590.675	19.001.240.060
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	14.665.256.816	63.895.628.709
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	2.201.040.574	2.335.142.778
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.633.611.083	2.557.720.083
330	II. Nợ dài hạn		21.666.335.427	14.513.760.028
338	1. Vay và nợ thuê dài hạn	17	14.511.968.504	10.365.139.217
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	7.154.366.923	4.148.620.811
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		676.859.284.538	715.457.780.818
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	676.859.284.538	715.457.780.818
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		379.399.090.000	379.399.090.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		379.399.090.000	379.399.090.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		118.432.900.000	118.432.900.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(401.500.000)	(71.500.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		33.775.255.576	31.975.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		140.453.538.962	180.522.035.242
421a	- Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối kỳ trước		126.401.944.442	105.271.066.254
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này		14.051.594.520	75.250.968.988
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		958.627.334.797	1.097.436.721.673

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	236.928.333.132	96.714.133.119
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	236.928.333.132	96.714.133.119
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(179.934.464.717)	(68.583.037.732)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.993.868.415	28.131.095.387
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	11.034.898.843	19.489.999.766
22	7. Chi phí tài chính	23	(14.311.732.597)	(6.192.405.884)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.039.223.887)	(2.733.225.702)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(10.451.279.597)	(3.431.682.585)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(28.471.709.899)	(28.264.629.565)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.794.045.165	9.732.377.119
31	11. Thu nhập khác	25	1.897.898.725	53.220.887
32	12. Chi phí khác	25	(1.721.005.106)	(311.662.459)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	25	176.893.619	(258.441.572)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.970.938.784	9.473.935.547
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(919.344.264)	(26.731.516)
52	16. Thu nhập thuế hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		14.051.594.520	9.447.204.031

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		381.362.166.209	105.317.376.780
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(261.890.611.211)	(109.941.169.768)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(23.551.769.392)	(17.859.275.584)
04	Tiền chi trả lãi		(2.039.223.887)	(2.733.225.702)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.2	(5.739.220.065)	(693.359.669)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		65.379.064.397	4.421.918.533
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(46.843.129.083)	(23.579.620.172)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		106.677.276.968	(45.067.355.582)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(9.142.197.233)	(3.505.460.173)
22	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		92.727.273	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(3.850.000.000)	(21.680.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.748.000.000	2.550.000.000
25	Tiền chi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		(9.315.000.000)	-
26	Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		1.757.774.895	5.742.202.068
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.609.993.886	11.996.539.893
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		14.901.298.821	(4.896.718.212)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	6.600.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(330.000.000)	(71.500.000)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		52.530.317.830	19.483.741.044
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(97.613.860.436)	(24.705.519.270)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(43.990.838.535)	(28.680.948.520)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(89.404.381.141)	(27.374.226.746)


Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông B03a-DN


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		32.174.194.648	(77.338.300.540)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		45.029.468.184	96.978.175.285
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		(11.040.865)	6.362.246
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	77.192.621.967	19.646.236.991


Người lập
Chu Hồng Hạnh


Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh


Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là: 148 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 195).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	99,45%	99,45%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Buôn bán kim loại, sản xuất kim loại màu và kim loại quý.
2	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
3	Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom (i)	100%	100%	Tại Thành phố Hồ Chí Minh.	Nghiên cứu phát triển công nghệ thông tin.
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn (ii)	52,39%	52,44%	91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.	Thăm dò, khai thác quặng, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc (iii)	59,23%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học.
6	Công ty Cổ phần Elcom Plus (iv)	51,00%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất thiết bị truyền thông.
7	Công ty TNHH VTS Hải Phòng (v)	65,00%	65,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

- (i) Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 413041000048 do Ban Quản lý khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 5 năm 2011, Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 25 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 100% vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty con này chưa đi vào hoạt động.
- (ii) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới.
- (iii) Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0106518955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 4 năm 2014, Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 35 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 51% vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty con này đang thực hiện dự án Quỹ thách thức Doanh nghiệp Việt Nam ("VBCF") theo hợp đồng hợp tác giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông và VBCF ngày 14 tháng 4 năm 2014. Công ty chưa góp vốn vào công ty con này.
- (iv) Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 0106659610 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 10 năm 2014, Công ty Cổ phần Elcom Plus được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 51% vốn góp.
- (v) Đây là công ty con được thành lập trong năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0106645015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 9 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông có chi nhánh và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 4 năm 2012 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 52”) và theo hướng dẫn tại Công văn số 2739/UBCK-PTTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đề ngày 2 tháng 8 năm 2012 và Công văn số 1392/2012/SGDHCM-NY của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đề ngày 3 tháng 8 năm 2012. Cũng theo quy định tại Thông tư 52, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm Văn phòng và chi nhánh) và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày vào ngày 25 tháng 8 năm 2015.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này chỉ trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Văn phòng Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cần đọc báo cáo tài chính giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và chi nhánh và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính tổng hợp/hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp/hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp/hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bảng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc giữa niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh giữa niên độ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phần mềm máy tính	5 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ của văn phòng Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ;
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Văn phòng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở các đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẠN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- ▶ giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Vạn phòng Công ty.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc giữa niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tiền mặt	184.389.649	242.336.536
Tiền gửi ngân hàng	17.380.618.652	38.634.871.662
Các khoản tương đương tiền (*)	59.627.613.666	6.152.259.986
TỔNG CỘNG	77.192.621.967	45.029.468.184

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VNĐ với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân 4,2%/năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	52.530.317.830	19.483.741.044
- tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(97.613.860.436)	(24.705.519.270)
- tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh:						
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	67.295.740	102.966.900	-	67.295.740	102.966.900	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	4.346.920.000	1.384.248.167	(2.962.671.833)	4.346.920.000	1.384.248.167	(2.962.671.833)
- Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam (*)	21.100.898.824	(**)	(17.380.545.581)	-	-	-
TỔNG CỘNG	25.515.114.564	(20.343.217.414)		4.414.215.740		(2.962.671.833)

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-03/2015/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã thông qua chủ trương thoái vốn các khoản đầu tư tài chính không thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty. Hiện tại, Công ty đang trong quá trình tìm kiếm và xác định các đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam trong thời gian tới. Theo đó, khoản đầu tư này được phân loại sang đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

(**) Do cổ phiếu của Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam không được niêm yết trên thị trường nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu này.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.750.000.000	3.750.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000
TỔNG CỘNG	3.750.000.000	3.750.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm với lãi suất 5,5%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	159.983.823.754	318.910.851.521
- Công ty TNHH Comverse	30.711.901.161	48.472.888.800
- Công ty Thông tin Di động	31.418.547.000	10.197.082.805
- Công ty Dịch vụ Viễn thông Vinaphone	16.732.477.097	165.912.561.493
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel	17.846.327.583	17.846.327.583
- Công ty TNHH Hudson Capital Holding	17.028.921.000	17.728.800.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	46.245.649.913	58.753.190.840
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	<u>7.682.600.785</u>	<u>11.629.393.649</u>
TỔNG CỘNG	<u>167.666.424.539</u>	<u>330.540.245.170</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.375.447.735)	(1.409.960.540)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngắn hạn		
Trả trước cho người bán	26.464.915.266	28.255.023.080
- Công ty TNHH Techcovina GP Nhà thông minh	5.381.880.520	5.381.880.520
- Các khoản trả trước khác	21.083.034.746	22.873.142.560
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	<u>13.000.000.000</u>	<u>14.281.900.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>39.464.915.266</u>	<u>42.536.923.080</u>

7. PHẢI THU VÉ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Cho vay ngắn hạn khác (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (**) (Thuyết minh số 28)	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.000.000.000</u>	<u>11.000.000.000</u>

(*) Đây là khoản cho bà Nguyễn Phương Hải vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 6.000.000.000 đồng có kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 9%/năm theo thỏa thuận ban đầu. Công ty tạm dừng tính lãi vay đối với khoản cho vay này kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 theo thỏa thuận mới. Nợ gốc và lãi của khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(**) Đây là khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 5.000.000.000 đồng có kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 14%/năm theo thỏa thuận ban đầu. Công ty tạm dừng tính lãi vay đối với khoản cho vay này kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 theo thỏa thuận mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu lợi nhuận từ Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	83.915.074.002	-	94.849.900.321	-
Phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà (i)	7.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	1.309.409.769	-	1.380.680.176	-
Phải thu Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương	-	-	1.535.736.137	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.578.885.279	-	3.478.885.279	-
Phải thu Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	1.057.777.778	-	1.057.777.778	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.692.647.702	-	6.798.450.285	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (ii)	22.428.083.631	-	14.603.886.541	-
Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm (iii)	6.587.884.424	-	6.240.240.105	-
Phải thu Bà Nguyễn Phương Hải	2.005.750.000	(1.841.500.000)	2.005.750.000	(1.610.425.000)
Phải thu Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	-	-	3.148.000.000	-
Phải thu Ông Nguyễn Đức Thiện	2.348.010.366	-	2.348.010.366	-
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	2.841.798.337	-	3.842.351.019	-
	136.765.321.288	(1.841.500.000)	149.289.668.007	(1.610.425.000)
Dài hạn				
Phải thu dài hạn khác	98.010.000	-	96.210.000	-
	98.010.000	-	96.210.000	-
TỔNG CỘNG	136.863.331.288	(1.841.500.000)	149.385.878.007	(1.610.425.000)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	46.975.099.819	(1.841.500.000)	48.591.549.812	(1.610.425.000)
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	89.888.231.469	-	100.794.328.195	-

- (i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trong năm 2007. Công ty hiện đang làm việc với các nhà đầu tư khác có liên quan đến dự án bất động sản này để thu hồi khoản góp vốn nêu trên.
- (ii) Chủ yếu bao gồm các khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân đội để thực hiện các hợp đồng nhập khẩu thiết bị.
- (iii) Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm chủ yếu bao gồm các khoản nhân viên mượn hàng đi lắp đặt chạy thử cho khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	14.500.000	-	14.500.000	-
Công cụ, dụng cụ	27.198.563	-	12.897.685	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	62.162.389.405	-	53.902.696.333	-
Thành phẩm	362.997.538	-	637.822.407	-
Hàng hóa	20.903.599.157	-	17.896.313.611	-
TỔNG CỘNG	83.470.684.663	-	72.464.230.036	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VÂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	76.895.898.119	73.703.998.447	22.902.559.751	16.024.145.255	189.526.601.572
- Mua trong kỳ	-	3.870.000.000	3.659.200.000	77.300.000	7.606.500.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.134.690.213	-	-	-	2.134.690.213
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.405.571.584)	-	(1.405.571.584)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>79.030.588.332</u>	<u>77.573.998.447</u>	<u>25.156.188.167</u>	<u>16.101.445.255</u>	<u>197.862.220.201</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	9.413.101.709	3.298.648.412	-	12.711.750.121
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	6.723.899.712	10.387.619.908	15.624.606.688	4.949.086.058	37.685.212.366
- Khấu hao trong kỳ	1.569.792.456	9.676.070.165	1.753.101.987	1.343.508.220	14.342.472.828
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.405.571.584)	-	(1.405.571.584)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>8.293.692.168</u>	<u>20.063.690.073</u>	<u>15.972.137.091</u>	<u>6.292.594.278</u>	<u>50.622.113.610</u>
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>70.171.998.407</u>	<u>63.316.378.539</u>	<u>7.277.953.063</u>	<u>11.075.059.197</u>	<u>151.841.389.206</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>70.736.896.164</u>	<u>57.510.308.374</u>	<u>9.184.051.076</u>	<u>9.808.850.977</u>	<u>147.240.106.591</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 17)</i>	1.392.857.143	-	4.117.102.195	-	5.509.959.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Xây dựng hệ thống phòng sạch	-	1.368.873.980
Dự án Thanh Trì (*)	32.861.892.612	32.564.011.612
Dự án Từ Liêm	246.601.885	246.601.885
Các dự án khác	130.590.000	95.190.000
TỔNG CỘNG	<u>33.239.084.497</u>	<u>34.274.677.477</u>

(*) Đây là các khoản chi phí liên quan đến việc đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và các chi phí khác để thực hiện Dự án xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và các chức năng khác theo quy hoạch tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Công ty đã được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận tại Công văn số 4119/UBND-KH&ĐT ngày 13 tháng 5 năm 2009 về việc cho phép Công ty nghiên cứu lập và triển khai dự án này theo phương thức tự thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Dự án hiện vẫn trong giai đoạn xin cấp phép quy hoạch mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015				Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con		103.552.860.000	12.507.239.932	91.045.620.068		95.902.860.000	9.551.093.240	86.351.766.760
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	1.491.722	36.489.820.000	12.507.239.932	23.982.580.068	1.491.722	36.489.820.000	9.551.093.240	26.938.726.760
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	626.074	17.360.740.000	-	17.360.740.000	626.074	17.360.740.000	-	17.360.740.000
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	-	12.052.300.000	-	12.052.300.000	-	12.052.300.000	-	12.052.300.000
Công ty Cổ phần Elcom Plus	765.000	7.650.000.000	-	7.650.000.000	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		4.577.590.000	323.361.292	4.254.228.708		5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	157.759	1.577.590.000	-	1.577.590.000	200.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Telsoft	300.000	3.000.000.000	323.361.292	2.676.638.708	300.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		123.711.049.500	2.625.711.107	121.085.338.393		144.403.982.001	19.078.873.726	125.325.108.275
Đầu tư cổ phiếu (*)		85.939.549.500	2.625.711.107	83.313.838.393		105.675.448.324	19.078.873.726	86.596.574.598
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	714.689.311	27.875.310.689	1.250.000	28.590.000.000	584.809.797	28.005.190.203
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	14.889	115.000.000	-	115.000.000	10.886	115.000.000	-	115.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long xanh	36.000	360.000.000	-	360.000.000	36.000	360.000.000	-	360.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hà Giang	-	-	-	-	30.000	300.000.000	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Dược phẩm Elogo France Việt Nam	-	-	-	-	1.645.000	21.100.898.824	17.380.545.581	3.720.353.243
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin IPMAC	30.000	750.000.000	-	750.000.000	30.000	750.000.000	-	750.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>				<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>			
	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)		123.711.049.500	2.625.711.107	121.085.338.393		144.403.982.001	19.078.873.726	125.325.108.275
Đầu tư cổ phiếu (*) (tiếp theo)		85.939.549.500	2.625.711.107	83.313.838.393		105.675.448.324	19.078.873.726	86.596.574.598
Công ty Cổ phần Trung Văn	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	916.500	9.165.000.000	1.911.021.796	7.253.978.204	750.000	7.500.000.000	1.113.518.348	6.386.481.652
Đầu tư dài hạn khác		37.771.500.000	-	37.771.500.000		38.728.533.677	-	38.728.533.677
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (**)		37.771.500.000	-	37.771.500.000		37.771.500.000	-	37.771.500.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương (*)		-	-	-		957.033.677	-	957.033.677
TỔNG CỘNG		231.841.499.500	15.456.312.331	216.385.187.169		245.306.842.001	28.629.966.966	216.676.875.035

(*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

(**) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	99,45%	99,45%
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	52,44%	52,44%
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%
Công ty Cổ phần Elcom Plus	51%	51%

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

12.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	31,55%	40%
Công ty Cổ phần Telsoft	30%	30%

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101816274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu 4 tháng 11 năm 2005 và thay đổi lần 5 ngày 30 tháng 9 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom là cung cấp các thiết bị xử lý nước thải và các sản phẩm điện tử tự động hóa khác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty nắm 31,55% vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

Công ty Cổ phần Telsoft

Công ty Cổ phần Telsoft là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102756187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 8 tháng 7 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 10 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại số 102/125 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Telsoft là sản xuất gia công thiết kế và mua bán phần mềm, cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty nắm 30% vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngắn hạn		
Tiền thuê văn phòng Tây Hồ	125.863.636	125.863.636
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	158.643.563	294.520.908
TỔNG CỘNG	284.507.199	420.384.544
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	826.323.543	480.420.020
Chi phí dự án thử nghiệm vi sinh	6.946.230.714	5.939.858.167
TỔNG CỘNG	7.772.554.257	6.420.278.187

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Ngắn hạn				
Phải trả ngắn hạn cho người bán	112.573.023.156	112.573.023.156	173.390.610.006	173.390.610.006
- Công ty TNHH Comverse	60.312.186.480	60.312.186.480	63.421.898.400	63.421.898.400
- Công ty SIAE Microelectronica S.P.A	13.673.268.082	13.673.268.082	23.036.690.793	23.036.690.793
- Phải trả đối tượng khác	38.587.568.594	38.587.568.594	86.932.020.813	86.932.020.813
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	10.178.828.192	10.178.828.192	17.206.611.332	17.206.611.332
TỔNG CỘNG	122.751.851.348	122.751.851.348	190.597.221.338	190.597.221.338

14.2 Người mua trả tiền trước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	29.182.820.094	31.002.226.998
- Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	13.360.800.000	-
- Ông Nguyễn Văn Hòa	3.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần B.O.T	3.639.253.613	-
- Công ty Thông tin Di động	-	7.673.443.000
- Cục Kỹ thuật Nghiệp vụ I	-	9.203.824.000
- Người mua trả tiền trước khác	8.382.766.481	14.124.959.998
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 28)	-	35.001.292.447
TỔNG CỘNG	29.182.820.094	66.003.519.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	9.964.332	8.669.097.471	8.580.353.504	98.708.299
Thuế xuất nhập khẩu	-	785.810.692	785.810.692	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	6.606.790.044	919.344.264	5.739.220.065	1.786.914.243
Thuế thu nhập cá nhân	5.460.496.607	2.772.826.012	6.206.398.230	2.026.924.389
Thuế nhà thầu	9.964.332	537.004.666	256.452.867	290.516.131
TỔNG CỘNG	<u>12.087.215.315</u>	<u>13.684.083.105</u>	<u>21.568.235.358</u>	<u>4.203.063.062</u>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngắn hạn		
Phải trả vốn hợp tác kinh doanh (*)	64.000.000.000	-
Nhập khẩu ủy thác phải trả	-	8.004.108.824
Thù lao phải trả cho Hội đồng Quản trị	3.404.882.230	3.404.882.230
Kinh phí công đoàn	3.336.071.979	3.223.391.979
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	956.990.567	1.361.093.567
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	797.729.028	731.116.383
Phải trả hàng mang đi bảo hành	1.816.164.170	1.680.925.059
Phải trả phải nộp khác	640.752.701	595.722.018
TỔNG CỘNG	<u>74.952.590.675</u>	<u>19.001.240.060</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>889.725.854</i>	<i>1.273.828.854</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>74.062.864.821</i>	<i>17.727.411.206</i>

(*) Đây là khoản tiền đã nhận từ Công ty Cổ phần Bất động sản Thanh Liệt theo hợp đồng liên danh hợp tác đầu tư số 01/2014/HĐĐT/ELCOM-BĐSTHANHLIET để thực hiện Dự án xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và các chức năng khác theo quy hoạch tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì (xem Thuyết minh số 11).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay cá nhân	9.500.000.000	9.500.000.000	-	(7.000.000.000)	2.500.000.000	2.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.520.147.000	5.520.147.000	11.876.978.931	(9.638.116.431)	7.759.009.500	7.759.009.500
Vay ngân hàng ngắn hạn	48.875.481.709	48.875.481.709	36.506.509.612	(80.975.744.005)	4.406.247.316	4.406.247.316
	63.895.628.709	63.895.628.709	48.383.488.543	(97.613.860.436)	14.665.256.816	14.665.256.816
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng dài hạn	10.365.139.217	10.365.139.217	16.023.808.218	(11.876.978.931)	14.511.968.504	14.511.968.504
	10.365.139.217	10.365.139.217	16.023.808.218	(11.876.978.931)	14.511.968.504	14.511.968.504
TỔNG CỘNG	74.260.767.926	74.260.767.926	64.407.296.761	(109.490.839.367)	29.177.225.320	29.177.225.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VÂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngắn hạn

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	4.406.247.316	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 29 tháng 12 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng	6,7%	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
Ông Ngô Quý Hiệp	2.500.000.000	Kỳ hạn vay 12 tháng. Khoản gốc và lãi vay trả vào ngày 2 tháng 8 năm 2015	5%	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long – Khoản nợ dài hạn đến hạn trả	7.759.009.500	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng	8%	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
	14.665.256.816			

17.2 Các khoản vay dài hạn

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	14.511.968.504	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng, khoản gốc vay cuối cùng được trả vào tháng 12 năm 2018	8%	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
	14.511.968.504			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Dự phòng chi phí bảo hành</i>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	6.483.763.589
- Tăng trong kỳ	5.935.388.670
- Sử dụng trong kỳ	(2.085.986.110)
- Hoàn nhập dự phòng không sử dụng	(977.758.652)
	<hr/>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	9.355.407.497
<i>Trong đó:</i>	
<i>Dự phòng phải trả ngắn hạn</i>	2.201.040.574
<i>Dự phòng phải trả dài hạn</i>	7.154.366.923

Dự phòng chi phí bảo hành

Dựa trên tình hình sản phẩm cần sửa chữa và trả lại trong quá khứ, Công ty đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ của Công ty được bán ra trong 1,5 năm qua. Công ty tin rằng chi phí bảo hành đã dự phòng này sẽ được sử dụng phần lớn trong giai đoạn sáu tháng tiếp theo và sẽ được sử dụng hết trong vòng 1,5 năm kể từ kỳ này. Công ty ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và các thông tin hiện có về tỷ lệ hàng trả lại, sửa chữa trong thời hạn từ một đến 1,5 năm bảo hành cho toàn bộ sản phẩm bán ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Vốn góp</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Kỳ trước							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	373.399.090.000	117.832.900.000	-	28.975.255.576	5.200.000.000	142.722.993.454	668.130.239.030
- Tăng vốn trong kỳ	6.000.000.000	600.000.000	-	-	-	-	6.600.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	9.447.204.031	9.447.204.031
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(30.351.927.200)	(30.351.927.200)
- Trích lập quỹ	-	-	-	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.100.000.000)	(4.100.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(71.500.000)	-	-	-	(71.500.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)	<u>379.399.090.000</u>	<u>118.432.900.000</u>	<u>(71.500.000)</u>	<u>31.975.255.576</u>	<u>5.200.000.000</u>	<u>114.718.270.285</u>	<u>649.654.015.861</u>
Kỳ này							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	379.399.090.000	118.432.900.000	(71.500.000)	31.975.255.576	5.200.000.000	180.522.035.242	715.457.780.818
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	14.051.594.520	14.051.594.520
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(45.520.090.800)	(45.520.090.800)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.800.000.000	-	(1.800.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(330.000.000)	-	-	-	(330.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>379.399.090.000</u>	<u>118.432.900.000</u>	<u>(401.500.000)</u>	<u>33.775.255.576</u>	<u>5.200.000.000</u>	<u>140.453.538.962</u>	<u>676.859.284.538</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	379.399.090.000	379.399.090.000	-	379.399.090.000	379.399.090.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	118.432.900.000	118.432.900.000	-	118.432.900.000	118.432.900.000	-
Cổ phiếu quỹ	(401.500.000)	(401.500.000)	-	(71.500.000)	(71.500.000)	-
	497.430.490.000	497.430.490.000	-	497.760.490.000	497.760.490.000	-

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Vốn cổ phần đã góp		
Vốn góp đầu kỳ	379.399.090.000	373.399.090.000
Tăng vốn trong kỳ	-	6.000.000.000
Giảm vốn trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	379.399.090.000	379.399.090.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	45.520.090.800	30.351.927.200

19.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Cổ tức đã công bố trong kỳ	45.520.090.800	30.351.927.200
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	45.520.090.800	30.351.927.200
- Cổ tức cho năm 2013: 800 VNĐ/cổ phiếu	-	30.351.927.200
- Cổ tức cho năm 2014: 1.200 VNĐ/cổ phiếu	45.520.090.800	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
Cổ phiếu đã được duyệt	37.939.909	379.399.090.000	37.939.909	379.399.090.000
Cổ phiếu đã phát hành	37.939.909	379.399.090.000	37.939.909	379.399.090.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>37.939.909</i>	<i>379.399.090.000</i>	<i>37.939.909</i>	<i>379.399.090.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	37.939.909	379.399.090.000	37.939.909	379.399.090.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	36.500	401.500.000	6.500	71.500.000
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	<i>36.500</i>	<i>401.500.000</i>	<i>6.500</i>	<i>71.500.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	36.500	401.500.000	6.500	71.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	37.903.409	378.997.590.000	37.933.409	379.327.590.000
Cổ phiếu phổ thông	37.903.409	378.997.590.000	37.933.409	379.327.590.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	417.201,44	7.893,34

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẠN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Tổng doanh thu	236.928.333.132	96.714.133.119
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>72.749.695.206</i>	<i>49.366.090.440</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>151.546.235.706</i>	<i>45.055.330.935</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	<i>12.341.710.539</i>	<i>1.427.709.160</i>
<i>Doanh thu thành phẩm khác</i>	<i>290.691.681</i>	<i>865.002.584</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	236.928.333.132	96.714.133.119
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>72.749.695.206</i>	<i>49.366.090.440</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>151.546.235.706</i>	<i>45.055.330.935</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	<i>12.341.710.539</i>	<i>1.427.709.160</i>
<i>Doanh thu thành phẩm khác</i>	<i>290.691.681</i>	<i>865.002.584</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>155.637.077.836</i>	<i>93.052.414.561</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>81.291.255.296</i>	<i>3.661.718.558</i>

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.677.983.211	1.981.941.348
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.144.589.478	9.259.867.699
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	1.370.978.314	-
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	8.245.844.879
Lãi chênh lệch tỷ giá	841.347.840	2.345.840
TỔNG CỘNG	11.034.898.843	19.489.999.766

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	54.960.912.137	36.820.466.491
Giá vốn hàng hóa đã bán	122.282.478.748	30.884.520.058
Giá vốn thành phẩm phần mềm	2.425.446.093	226.490.953
Giá vốn của thành phẩm khác	265.627.739	651.560.230
TỔNG CỘNG	179.934.464.717	68.583.037.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lãi tiền vay	2.039.223.887	2.733.225.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.343.191.305	1.049.412.365
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	4.929.300.946	2.409.767.817
Chi phí tài chính khác	16.459	-
TỔNG CỘNG	14.311.732.597	6.192.405.884

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí vật tư thiết bị thử nghiệm	292.372.870	28.670.663
Chi phí bảo hành hàng hoá	5.298.605.857	(2.525.607.714)
Chi phí bảo hành phần mềm	(7.467.000)	34.468.300
Phí chuyển tiền, bảo lãnh ngân hàng	756.447.392	397.730.833
Chi phí công tác, xăng xe, đi lại	1.198.358.940	2.574.398.493
Chi phí tiếp khách, hội thảo, marketing	2.073.185.385	2.558.725.678
Chi phí bán hàng khác	839.776.153	363.296.332
TỔNG CỘNG	10.451.279.597	3.431.682.585
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí lương	19.830.015.547	16.062.109.091
Chi phí công cụ, dụng cụ	642.171.131	1.932.349.526
Chi phí khấu hao	3.505.426.862	3.960.774.906
Chi phí điện, nước, điện thoại, thuê văn phòng	1.755.162.262	1.951.752.774
Chi phí bảo vệ, vệ sinh	685.396.036	664.647.909
Chi phí chuyên gia, phí hội viên	619.843.325	559.882.154
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.433.694.736	3.133.113.205
TỔNG CỘNG	28.471.709.899	28.264.629.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẠN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Thu nhập khác	1.897.898.725	53.220.887
Thu nhập khác từ các chương trình gameshow	1.600.000.000	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	92.727.273	-
Thu nhập khác	205.171.452	53.220.887
Chi phí khác	1.721.005.106	311.662.459
Phạt chậm hợp đồng	473.133.105	123.416.260
Truy thu thuế	1.227.563.580	-
Chi phí khác	20.308.421	188.246.199
GIÁ TRỊ THUẦN	176.893.619	(258.441.572)

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	637.638.165
Chi phí mua hàng hóa	123.973.157.281	36.488.390.344
Chi phí nhân công	21.674.229.611	20.938.165.168
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.354.053.481	10.256.675.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.457.454.431	28.802.337.335
Chi phí bằng tiền khác	11.398.559.409	3.156.142.900
TỔNG CỘNG	218.857.454.213	100.279.349.882

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2005), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành bằng 22% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	484.117.927	26.731.516
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	435.226.337	-
	919.344.264	26.731.516

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẠN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	14.970.938.784	9.473.935.547
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản phạt	2.433.358.841	626.264.862
Khoản dự phòng	1.199.371.072	7.000.000
Chi phí khấu hao vượt định mức	-	20.500.000
Chi phí thiếu hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ	355.044.870	268.646.015
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	878.942.899	330.118.847
Thu nhập đã tính thuế từ công ty con	(7.721.939.091)	(9.565.570.083)
Thu nhập đã tính thuế từ các khoản đầu tư	(6.736.291.775)	(9.259.867.699)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	(408.297.703)	-
	<u>(577.349.613)</u>	<u>(305.702.384)</u>
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ kỳ trước	9.682.358.534	534.630.326
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận từ kinh doanh phần mềm	9.923.731.446	1.166.749.907
Lỗ từ kinh doanh hàng hóa và dịch vụ	(241.372.912)	(632.119.581)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện tại	9.682.358.534	534.630.326
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện tại	484.117.927	26.731.516
<i>Chi phí thuế TNDN cho dịch vụ phần mềm</i>	484.117.927	26.731.516
<i>Chi phí thuế TNDN cho dịch vụ, hàng hóa</i>	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	6.606.790.044	5.708.988.836
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước (*)	435.226.337	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(5.739.220.065)	(693.359.669)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	1.786.914.243	5.042.360.683

(*) Đây là khoản thuế TNDN phải nộp bổ sung cho quyết toán thuế năm tài chính 2012 và 2013 căn cứ theo Quyết định số 28801/QĐ-CT-Ktra về việc xử phạt vi phạm về thuế qua việc kiểm tra chấp hành pháp luật thuế của Cục thuế Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VNĐ	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Mua hàng hóa	10.067.667.500	19.355.687.194
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.736.291.775	8.781.182.123
		Cho thuê văn phòng, thuê xe	1.611.839.509	1.375.789.098
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Lãi vay phải thu	506.800.000	-
		Cho thuê văn phòng, thuê xe	137.683.266	-
		Mua hàng hóa	400.000.000	-
		Cho vay không lãi	-	250.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty con	Bán hàng hóa	-	2.285.929.460
		Cho vay không lãi	100.000.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Sinh học Mùa xuân Hòa Lạc	Công ty con	Cho thuê văn phòng, thuê xe	49.775.000	-
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Bán thiết bị, phần mềm hệ thống cảng	79.167.639.339	-
		Cho thuê văn phòng, ô tô	69.818.182	-
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Thuê văn phòng, chỗ đặt thiết bị	189.952.525	-
		Góp vốn	7.650.000.000	-
		Nhận mua dịch vụ phần mềm	3.612.205.517	-
Công ty Cổ phần Telsoft	Công ty liên kết	Doanh thu từ hỗ trợ phần mềm	254.500.000	-
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Trả hộ chi phí	3.143.780.200	3.527.053.000
		Đầu tư vốn cổ phần	725.000.000	1.640.000.000
Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	Cho Công ty thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	150.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	4.219.522.273	38.400.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa xuân hòa lạc	Công ty con	Cho thuê ô tô	97.886.800	49.734.300
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.277.000.000	2.277.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	595.405.779	595.405.779
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	8.505.653.570
Công ty Cổ phần Telsoft	Công ty liên kết	Hỗ trợ phần mềm	329.585.933	-
Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Cho thuê văn phòng	163.200.000	163.200.000
			7.682.600.785	11.629.393.649
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	-	1.281.900.000
Ông Trần Hùng Giang (*)	Phó Tổng Giám đốc Thành viên Hội đồng Quản trị Vợ ông Phan Chiến Thắng -	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Phó Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	5.980.000.000	5.980.000.000
			13.000.000.000	14.281.900.000

(*) Đây là các khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogé France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Cho vay ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
			5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Thu lợi nhuận	83.915.074.002	94.849.900.321
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Phải thu lãi cho vay, phải thu khác	1.309.409.769	1.380.680.176
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty con	Phải thu đầu tư	3.170.000.000	3.070.000.000
Công ty Liên doanh dược phẩm Elogé France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Lãi vay	408.885.279	408.885.279
		Cho vay không lãi suất	700.000.000	700.000.000
		Phải thu lãi vay	357.777.778	357.777.778
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Cho vay không lãi	7.800.000	7.800.000
		Hàng gửi bảo hành	19.284.641	19.284.641
			89.888.231.469	100.794.328.195
Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Cho vay dài hạn	14.400.000.000	14.400.000.000
			14.400.000.000	14.400.000.000
Phải trả người bán (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Nhập phần mềm, mua hàng hóa	4.192.200.000	11.987.429.550
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Nhập phần mềm, mua hàng hóa	4.136.524.486	4.712.115.945
Công ty Cổ phần Elcomplus	Công ty con	Nhập phần mềm	1.850.103.706	507.065.837
			10.178.828.192	17.206.611.332

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
<i>Người mua trả tiền trước</i> (Thuyết minh số 14.2)				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	-	23.607.447
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Bán hàng hóa	-	34.977.685.000
			<u>-</u>	<u>35.001.292.447</u>
<i>Phải trả khác</i> (Thuyết minh số 16)				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Nhận ký quỹ, ký cược để thực hiện hợp đồng	889.725.854	1.273.828.854
			<u>889.725.854</u>	<u>1.273.828.854</u>
<i>Phải thu nội bộ ngắn hạn</i>				
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Trả hộ chi phí	1.965.433.067	598.873.033
			<u>1.965.433.067</u>	<u>598.873.033</u>
<i>Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc</i>				
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Cấp vốn kinh doanh	9.981.025.938	9.256.025.938
			<u>9.981.025.938</u>	<u>9.256.025.938</u>

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lương và thưởng	1.459.620.000	1.572.998.000
	<u>1.459.620.000</u>	<u>1.572.998.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các khoản tiền phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đến 1 năm	822.000.000	1.373.755.657
Từ 1 – 5 năm	-	-
	822.000.000	1.373.755.657

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đến 1 năm	9.110.484.114	9.721.063.455
Từ 1 – 5 năm	392.767.232	972.216.960
	9.503.251.346	10.693.280.415

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

STT	Bên nhận đầu tư	Đơn vị tính: VND		
		Cam kết góp vốn của Công ty	Số vốn thực góp	Số vốn chưa góp
1	Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom	25.000.000.000	-	25.000.000.000
2	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa xuân	22.500.000.000	9.165.000.000	13.335.000.000
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000	707.260.000
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000	540.000.000
6	Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	468.050.000.000	37.771.500.000	430.278.500.000
		538.418.000.000	66.057.240.000	472.360.760.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các tổn thất tiềm tàng

Tổn thất tiềm tàng liên quan đến các khoản phải thu khác

Như được trình bày tại Thuyết minh số 8, Công ty có khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà ("Công ty Bắc Hà"). Đây là hợp đồng đã tồn đọng trong thời gian dài và Công ty hiện đang gặp khó khăn trong công tác thu hồi các khoản công nợ này do Công ty Bắc Hà đang gặp khó khăn về tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện đang làm việc với các bên có liên quan đến hợp đồng nêu trên để tiến hành thu hồi khoản vốn đầu tư của Công ty. Trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khoản đầu tư này sẽ được thu hồi đầy đủ và do đó, không cần phải trích lập dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty của kỳ này do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)</i>
Bảng cân đối kế toán			
Chứng khoán kinh doanh	22.214.215.740	(17.800.000.000)	4.414.215.740
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	6.800.000.000	6.800.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Các khoản phải thu khác	127.887.331.181	21.402.336.826	149.289.668.007
Tài sản ngắn hạn khác	21.402.336.826	(21.402.336.826)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	14.400.000.000	14.400.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	96.210.000	96.210.000
Đầu tư dài hạn khác	158.803.982.001	(14.400.000.000)	144.403.982.001
Tài sản dài hạn khác	96.210.000	(96.210.000)	-
Doanh thu chưa thực hiện (ngắn hạn)	-	5.002.024.920	5.002.024.920
Doanh thu chưa thực hiện (dài hạn)	5.002.024.920	(5.002.024.920)	-
Quỹ đầu tư phát triển	16.616.332.230	15.358.923.346	31.975.255.576
Quỹ dự phòng tài chính	15.358.923.346	(15.358.923.346)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 001/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01-06/2015/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 6 năm 2015 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu phổ thông để tăng vốn cổ phần, với tổng số cổ phần phát hành thêm là 3.032.089 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, từ nguồn thặng dư vốn cổ phần. Vào ngày 21 tháng 7 năm 2015, Công ty đã chính thức phát hành và niêm yết số lượng cổ phiếu này.

Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 01-03/2015/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2015 thì HĐQT giao cho Ban Giám đốc tái cơ cấu lại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần kỹ thuật Elcom. Theo đó, ngày 21 tháng 8 năm 2015, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông có thông báo số 411/CV-EL về việc giảm tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần kỹ thuật Elcom từ 31,55% vốn điều lệ xuống còn 15,7% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty Cổ phần kỹ thuật Elcom không còn là công ty liên kết của Công ty.

Ngoài các sự kiện trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Văn phòng Công ty.



Người lập
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2015